CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Hà Nội, tháng 6 năm 2013

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 24

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị	Chức vụ
Ông Mẫn Ngọc Anh	Chủ tịch
Ông Mẫn Hồng Cần	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Quế	Ủy viên
Ông Đỗ Văn Cương	Ủy viên
Ông Tạ Xuân Kiên	Ủy viên
Ông Trần Vĩnh Hưng	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc	Chức vụ
Ông Mẫn Ngọc Anh	Tổng Giám đốc
Ông Mẫn Hồng Cần	Phó Tổng Giám đốc
Ông Tạ Xuân Kiên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Kim Huy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Văn Cương	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA

Mẫn Ngọc Anh
Tổng Giám đốc
Bắc Ninh, ngày 10 tháng 06 năm 2013

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Tầng 4, 168 Đường Láng, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: 04.3577.0781; Fax: 04 3577.0787
Email: vacohn@vaco.com.vn
Website: www.vaco.com.vn

Số: 257/VACO/BCKT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: **Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/03/2013 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2013 và Thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "Báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 10/06/2013, từ trang 04 đến trang 24. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2012 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác với ý kiến ngoại trừ các nội dung: (i) Công ty chưa xác định giá trị tổn thất của các khoản đầu tư tài chính để trích lập dự phòng theo quy định tại thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng; (ii) Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện trong năm phát sinh từ khoản nợ phải thu Tổng công ty Điện lực miền Bắc đơn vị đang phản ánh trên khoản mục Chênh lệch tỷ giá mà chưa ghi nhận vào chi phí tài chính với số tiền là 789.104.055 đồng (vấn đề tồn tại này đã được xử lý trong năm tài chính 2012).

Hạn chế phạm vi kiểm toán:

Tại ngày 31/03/2013, Công ty chưa xác định giá trị tổn thất của các khoản đầu tư tài chính để trích lập dự phòng theo quy định tại thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng.

Tại ngày 31/03/2013, Công ty chưa thu thập được các lịch trả nợ các khoản nợ vay dài hạn đến hạn trả của các ngân hàng, do đó chúng tôi không có đủ căn cứ để xem xét việc phân loại và trình bày nợ dài hạn đến hạn trả trên Báo cáo tài chính tại ngày 31/03/2013 của Công ty.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN (Tiếp theo)

Ý kiến ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề hạn chế phạm vi kiểm toán nêu trên, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/03/2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2013, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan.

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KIỂM TOÁN VACO

Nguyễn Minh Hùng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0294/KTV

Chử Mạnh Hoan
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên 1403/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 10 tháng 06 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2013

MẪU SỐ B 01 - DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2013	01/04/2012 (Trình bày lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN			**1.147.115.281.147**	**1.077.572.244.954**
(100=110+120+130+150)	**100**			
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**4**	**7.158.410.130**	**9.567.358.905**
1. Tiền	111		7.158.410.130	9.567.358.905
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**892.374.642.337**	**748.658.047.738**
1. Phải thu khách hàng	131		147.743.049.271	195.079.217.622
2. Trả trước cho người bán	132		41.738.563.356	16.565.099.659
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	5	580.342.567.203	457.554.067.577
4. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	135	6	122.550.462.507	79.459.662.880
III. Hàng tồn kho	**140**	**7**	**235.256.366.275**	**301.090.963.444**
1. Hàng tồn kho	141		235.256.366.275	301.456.037.134
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(365.073.690)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**12.325.862.405**	**18.255.874.867**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	597.442.808	5.114.411.416
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	7.432.293.717
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		167.636.156	18.999.246
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	9	11.560.783.441	5.690.170.488
B. TÀI SẢN DÀI HẠN			**1.265.667.469.015**	**1.225.116.082.423**
(200 =220+260)	**200**			
I. Tài sản cố định	**220**		**302.131.112.168**	**268.549.310.073**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	48.171.042.697	146.492.346.674
- Nguyên giá	*222*		*97.320.955.694*	*187.337.583.948*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(49.149.912.997)*	*(40.845.237.274)*
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	1.184.413.978	1.244.353.030
- Nguyên giá	*228*		*1.463.337.543*	*1.463.337.543*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		*(278.923.565)*	*(218.984.513)*
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	12	252.775.655.493	120.812.610.369
II. Bất động sản đầu tư	**240**	13	**29.400.099.002**	**29.500.098.998**
- Nguyên giá	241		29.937.599.000	29.937.599.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(537.499.998)	(437.500.002)
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**918.289.994.043**	**907.721.362.981**
1. Đầu tư vào công ty con	251	14	848.257.896.543	837.689.265.481
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252	15	400.000.000	400.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	16	69.632.097.500	69.632.097.500
IV. Tài sản dài hạn khác	**260**		**15.846.263.802**	**19.345.310.371**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	17	15.786.263.802	19.285.310.371
2. Tài sản dài hạn khác	268		60.000.000	60.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**2.412.782.750.162**	**2.302.688.327.377**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2013

MẪU SỐ B 01 - DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2013	01/04/2012 (Trình bày lại)
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	**300**		**1.363.737.236.775**	**1.266.509.504.663**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**1.030.115.801.502**	**992.128.698.267**
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	18	441.366.172.859	417.546.672.645
2. Phải trả người bán	312		250.210.824.006	507.964.908.673
3. Người mua trả tiền trước	313		19.809.652.666	39.056.363.244
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	19	5.856.980.323	4.051.541.968
5. Phải trả người lao động	315		1.815.807.474	1.093.231.777
6. Chi phí phải trả	316		4.429.843.846	177.016.005
7. Phải trả nội bộ	317	20	302.952.369.448	11.521.685.247
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	21	3.674.150.880	10.717.278.708
II. Nợ dài hạn	**330**		**333.621.435.273**	**274.380.806.396**
1. Phải trả dài hạn khác	333	22	119.489.710.469	74.344.608.558
2. Vay và nợ dài hạn	334	23	214.039.452.598	200.036.197.838
3. Doanh thu chưa thực hiện	338		92.272.206	-
B. NGUỒN VỐN (400=410)	**400**		**1.049.045.513.387**	**1.036.178.822.714**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**24**	**1.049.045.513.387**	**1.036.178.822.714**
1. Vốn điều lệ	411		766.111.437.372	766.111.437.372
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		136.107.750.000	136.107.750.000
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		- -	(755.657.336)
4. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế chưa phân phối	420		146.826.326.015	134.715.292.678
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	**440**		**2.412.782.750.162**	**2.302.688.327.377**

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	31/03/2013	01/04/2012
1. Ngoại tệ các loại			
Tiền gửi USD		*187.649,00*	*117.948,00*
Tiền gửi EUR		*220,00*	*312,00*

Mẫn Ngọc Anh	Trần Lục Xít	Trần Thị Thanh Huyền
Tổng Giám đốc	**Q. Giám đốc tài chính**	**Phụ trách kế toán**

Bắc Ninh, ngày 10 tháng 06 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2013

MẪU SỐ B 02 - DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**1**	**25**	**2.337.045.828.298**	**1.835.261.726.957**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	**10**	**25**	**2.337.045.828.298**	**1.835.261.726.957**
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	26	2.262.924.505.462	1.753.996.793.966
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	**20**		**74.121.322.836**	**81.264.932.991**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	46.664.156.221	24.322.356.683
7. Chi phí tài chính	22	28	67.555.652.952	69.304.038.645
- Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*64.544.594.395*	*57.182.881.400*
8. Chi phí bán hàng	24		11.720.923.533	6.307.073.549
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		34.219.518.156	27.887.451.364
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	**30**		**7.289.384.416**	**2.088.726.116**
10. Thu nhập khác	31		12.928.373.139	77.538.975
11. Chi phí khác	32		1.627.960.191	1.967.374.422
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	**40**	29	**11.300.412.948**	**(1.889.835.447)**
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	**50**		**18.589.797.364**	**198.890.669**
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	30	-	49.722.667
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	**60**		**18.589.797.364**	**149.168.002**
16. Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	31	243	2

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA

Mẫn Ngọc Anh	Trần Lục Xít	Trần Thị Thanh Huyền
Tổng Giám đốc	**Q. Giám đốc tài chính**	**Phụ trách kế toán**

Bắc Ninh, ngày 10 tháng 06 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2013

MẪU SỐ B 03 - DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2012	Năm 2011
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	*1*	*18,589,797,364*	*198,890,669*
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	2	8,430,094,010	8,699,842,430
Các khoản dự phòng	3	(365,073,690)	-
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4	(207,333,933)	-
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	5	(42,378,596,912)	(339,102,540)
Chi phí lãi vay	6	64,544,594,395	57,182,881,400
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	*8*	*48,613,481,234*	*65,742,511,959*
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	9	(142,423,550,746)	(82,958,294,501)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	66,199,670,859	(82,012,984,881)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	60,758,551,402	(60,716,118,724)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	8,016,015,177	(6,253,643,038)
Tiền lãi vay đã trả	13	(64,544,594,395)	(57,182,881,400)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(1,373,574,264)	(2,083,302,194)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	260,977,739	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(1,374,096,026)	(28,952,092,192)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	*20*	*(25,867,119,020)*	*(254,416,804,971)*
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(46,180,906,774)	(17,585,176,171)
2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(280,301,060,331)	-
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	269,732,429,269	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	42,378,596,912	339,102,540
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	*30*	*(14,370,940,924)*	*(17,246,073,631)*
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	858,160,265,253	616,232,462,851
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(820,337,510,279)	(342,549,239,565)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(427,939,996)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	*40*	*37,822,754,974*	*273,255,283,290*
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**50**	*(2,415,304,970)*	*1,592,404,688*
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**9,567,358,905**	**7,974,954,217**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	6,356,195	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	**70**	**7,158,410,130**	**9,567,358,905**

Thông tin phi tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ không bao gồm 14.547.831.600 đồng, là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong kỳ mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Mẫn Ngọc Anh	Trần Lục Xít	Trần Thị Thanh Huyền
Tổng Giám đốc	**Q. Giám đốc tài chính**	**Phụ trách kế toán**

Bắc Ninh, ngày 10 tháng 06 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH **MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka (gọi tắt là "Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 2300296337 do Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp lần đầu ngày 14 tháng 2 năm 2007, thay đổi lần thứ 10 ngày 05 tháng 08 năm 2011. Vốn điều lệ hiện tại của Công ty là 1.100.000.000.000 đồng (Một nghìn một trăm tỷ đồng).

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh gồm:

Cổ đông	Vốn điều lệ góp theo đăng ký kinh doanh			Vốn điều lệ thực góp đến ngày 31/03/2013	
	Số CP	VND	%	VND	%
Công ty TNHH Hồng Ngọc	65.269.400	652.694.000.000	59,34	488.449.307.372	63,76
Mẫn Ngọc Anh	18.583.400	185.834.000.000	16,89	186.334.000.000	24,32
Đặng Đình Tình	-	-		33.691.030.000	4,40
Các cổ đông khác	26.147.200	261.472.000.000	23,77	57.637.100.000	7,52
Tổng cộng	**110.000.000**	**1.100.000.000.000**	**100,0**	**766.111.437.372**	**100,0**

Trụ sở theo Giấy chứng nhận đầu tư: Khu công nghiệp Hanaka - Thị xã Từ Sơn - Bắc Ninh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/03/2013 là 178 người (tại ngày 31/03/2012 là 192 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Sản xuất các loại máy biến áp phân phối dầu, máy biến áp phân phối khô có điện áp đến 35K.V, công suất từ 10KVA đến 30.000KVA;
Sản xuất các loại máy biến áp truyền tải có điện áp từ 110K.V đến 220K.V. công suất từ 25MVA đến 450MVA;
Sản xuất bán thành phẩm máy biến áp: xẻ băng, cắt chéo lõi tôn silic, vỏ tải nhiệt máy biến áp phân phối dạng cánh sóng và vỏ máy biến áp truyền tải đến 220KV;
Sản xuất tủ điện, bảng điện trung, hạ thế có điện áp tới 35KV;
Sản xuất các loại trạm biến áp trọn bộ kiểu kiot có điện áp tới 35K.V;
Sản xuất các loại dây đồng tròn trần và tráng sơn cách điện kỹ thuật điện đường kính từ 0,1 đến 8 và 12,5 (mm);
Sản xuất các loại dây nhôm kỹ thuật điện đường kính từ 1 đến 9,5mm;
Dây và cáp nhôm trần, đồng trần, dây nhôm trần lõi thép có tiết diện đến 1200mm2, điện áp đến 500KV;
Sản xuất cáp điện ngầm trung, hạ thế lõi đồng/nhôm điện áp đến 35KV,cáp ngầm siêu cao áp đến 220KV bọc PVC/XLPE (gồm cả vặn xoắn, bọc thép, chống thấm);
Sản xuất dây điện dân dụng, cáp điều khiển, cáp thông tin;
Sản xuất các loại cáp điện chống cháy nổ, chống nhiễm mặn, chống thấm, các thiết bị điện phục vụ cho ngành đóng tàu và khai thác khoáng sản;
Sản xuất dây đồng dẹt dạng trần và tráng sơn cách điện, bọc giấy, đồng thanh cái, đồng ống. đầu cột (các sản phẩm bằng đồng);
Đúc các linh kiện đồng, nhôm dùng cho nhà máy biến áp, dây cáp điện, công tắc cầu dao, cầu chì, máy ngắt, tủ bảng điện;
Sản xuất các cầu dao, máy cắt, cầu chì;
Sản xuất các phụ tùng, phụ kiện đường dây và trạm biến áp có điện áp tới 500KV;
Sản xuất xi măng;
Khai thác và chế biến khoáng sản;
Sản xuất các loại kim loại;
Đầu tư thủy điện, nhiệt điện, kinh doanh mua bán điện;
Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, nguyên liệu, máy móc thiết bị, dụng cụ, phụ tùng, phụ kiện phục vụ cho sản xuất thiết bị điện và các ngành công nghiệp, điện lực, nông nghiệp, giao thông vận tải và xây dựng;
Xây lắp các đường dây và trạm biến áp có điện áp tới 330KV;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH **MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

Xây dựng các công trình dân dụng, giao thông, công nghiệp, nông nghiệp, san lấp mặt bằng;
Sửa chữa, bảo hành các loại máy biến áp phân phối dầu, máy biến áp phân phối khô có điện áp tới 35KV, công suất từ 10KVA đến 30.000KVA;
Sửa chữa, bảo hành các loại máy biến áp truyền tải có điện áp từ 110KV đến 220KV. công suất từ 25MVA đến 450MVA;
Sửa chữa, bảo hành máy móc thiết bị, linh kiện trong các lĩnh vực điện, công nghiệp, giao thông vận tải và xây dựng;
Kinh doanh, đầu tư phát triển hạ tầng khu công nghiệp; Kinh doanh môi giới, đấu giá bất động sản;
Sản xuất kinh doanh bao bì, đồ hộp cho ngành ăn uống, bia rượu;
Kinh doanh siêu thị, làm đại lý bán vé máy bay, vé tàu xe, đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa:
Kinh doanh các dịch vụ chăm sóc sức khỏe, sắc đẹp, tắm quất, xông hơi, xoa hóp, đấm lưng, vật lý trị liệu;
Cho thuê bãi đỗ xe, nhà xưởng sản xuất, kho tàng phương tiện vận tải và máy móc thiết bị;
Tháo dỡ công trình dân dụng, công nghiệp;
Kinh doanh khách sạn, nhà hàng;
Cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh (kiốt, trung tâm thương mại), cho thuê văn phòng:
Kinh doanh khu vui chơi, giải trí;
Sản xuất kinh doanh các sản phẩm từ cao su, bột cao su, nhựa đường:
Mua bán, bảo dưỡng, sửa chữa ô tô, xe máy và các bộ phận phụ trợ.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan.

Cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính này chưa có hướng dẫn cụ thể từ Bộ Tài chính cho việc áp dụng các quy định trong Thông tư số 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210"), ngày 6 tháng 11 năm 2009 về việc hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Do đó, các công cụ tài chính trong các báo cáo tài chính này vẫn được trình bày theo giá gốc. Tuy nhiên, Công ty đã nghiên cứu và phân tích ảnh hưởng của Thông tư này đến báo cáo tài chính của Công ty. Ban Giám đốc Công ty đánh giá, Thông tư này không ảnh hưởng trọng yếu đến các số liệu trình bày trong kỳ này và các kỳ kế toán trước của Công ty.

Ngày 25/04/2013 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC về việc "Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định" có hiệu lực từ ngày 10/06/2013 và áp dụng từ năm tài chính 2013. Theo Thông tư này thì năm tài chính 2013, các tài sản cố định đang sử dụng sẽ có sự thay đổi về nguyên giá tài sản cũng như phương pháp trích khấu hao đối với các tài sản cố định trong năm 2013. Tuy nhiên, Công ty đã nghiên cứu và phân tích ảnh hưởng của Thông tư này đến báo cáo tài chính của Công ty. Ban Giám đốc Công ty đánh giá, Thông tư này không ảnh hưởng trọng yếu đến các số liệu trình bày trong năm tài chính hiện tại của Công ty.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2013 được lập trên cơ sở cộng hợp số liệu của Báo cáo tài chính của Công ty và Trung tâm thương mại Hồng Kông.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 04 và kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm hàng năm.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính, Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là một công ty mà Công ty mẹ nắm trên 50% quyền kiểm soát. Các khoản đầu tư vào công ty con được phản ánh theo giá gốc trên bảng cân đối kế toán.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Dự phòng nợ phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép lập dự phòng cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tại ngày 31/03/2013, một số khoản công nợ phải thu ngắn hạn của Công ty đã quá hạn thanh toán, tuy nhiên Ban Giám đốc Công ty đánh giá các khoản công nợ này vẫn có khả năng thu hồi trong thời gian tới, do đó Công ty chưa trích lập dự phòng đối với các khoản công nợ đã quá hạn thanh toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn luỹ kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình là máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và thiết bị quản lý được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian sử dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao cụ thể hàng kỳ như sau:

	Thời gian khấu hao (Số năm)
Nhà cửa vật kiến trúc	08 - 50
Máy móc thiết bị	07 - 12
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08
Tài sản cố định khác	03 - 05

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, phụ tùng, các dụng cụ hành chính và các công cụ dụng cụ phục vụ thi công tại các công trình. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hàng kỳ theo tỷ lệ % hàng tháng, thời gian phân bổ vào chi phí tối đa là ba năm.

Các khoản giao dịch nội bộ trong tập đoàn

Các khoản công nợ phát sinh giữa Công ty với các công ty con trong cùng Tập đoàn: Công ty đang theo dõi và trình bày trên khoản mục phải thu nội bộ, phải trả nội bộ phục vụ cho mục đích quản trị của Tập đoàn.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:
(a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
(b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài chính, theo đó:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh theo quy định của pháp luật và được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Đối với việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán thì thực hiện theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Công ty được hưởng ưu đãi Thuế suất thuế TNDN là 20% áp dụng đối với thu nhập chịu thuế của hoạt động sản xuất trong thời hạn 10 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động kinh doanh của Nhà máy Thiết bị Điện Hanaka (năm 2002) và được miễn thuế TNDN trong 02 năm và giảm 50% trong 05 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế đối với hoạt động sản xuất. Năm 2005 là năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất. Năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2012 là năm đầu tiên Công ty thực hiện nghĩa vụ thuế TNDN theo thuế suất thông thường.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo) **MẪU B 09-DN**
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/03/2013	01/04/2012
	VND	VND
Tiền mặt	904.774.851	1.179.729.698
Tiền gửi ngân hàng	6.253.635.279	8.387.629.207
Cộng	**7.158.410.130**	**9.567.358.905**

5. PHẢI THU NỘI BỘ NGẮN HẠN

	31/03/2013	01/04/2012
	VND	VND
Công ty TNHH Hồng Ngọc	234.035.664.746	133.571.919.406
Công ty cổ phần HATACHI Hà Nội	-	42.079.941.393
Cty CP tư vấn thiết kế và Xây dựng Công nghiệp HANAKA	6.382.314.291	11.612.086.701
Công ty cổ phần REXAM A.B.M	237.948.972.475	157.827.734.450
Công ty cổ phần cáp điện Hanaka - Korea	95.452.720.861	112.462.385.627
Công ty cổ phần bao bì Hanaka A.B.M	6.522.894.830	-
	580.342.567.203	**457.554.067.577**

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/03/2013	01/04/2012
	VND	VND
Xuất đổi MBA, bảo hành	1.502.557.124	-
Mẫn Ngọc Anh	107 174 593 358	56.818.568.708
Mãn Thị Mai	362.375.000	-
Kinh phí công đoàn nộp thừa	504.198.682	-
Quỹ khen thưởng phúc lợi chi quá	149.465.000	-
Góp vốn Vũ Hoài Nam (i)	12.685.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	172.273.343	22.641.094.172
	122.550.462.507	**79.459.662.880**

(i) Do khoản tiền góp vốn đầu tư với Ông Vũ Hoài Nam chưa hoàn thiện các hồ sơ pháp lý liên quan nên Công ty đang theo dõi trên khoản công nợ phải thu khác.

7. HÀNG TỒN KHO

	31/03/2013	01/04/2012
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	3.524.013	3.524.013
Nguyên liệu, vật liệu	111.480.090.706	162.100.667.865
Công cụ, dụng cụ	1.018.840.413	1.010.275.939
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	52.518.606.481	74.121.865.157
Thành phẩm	40.660.244.202	64.162.187.739
Hàng hoá	29.575.060.460	57.516.421
Cộng	**235.256.366.275**	**301.456.037.134**
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(365.073.690)
Giá trị thuần có thể thực hiện của hàng tồn kho	**235.256.366.275**	**301.090.963.444**

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/03/2013	01/04/2012
	VND	VND
Số đầu năm	**5.114.411.416**	**5.114.411.416**
- Số tăng trong năm	1.276.213.268	-
- Phân bổ vào chi phí trong năm	(5.793.181.876)	-
Số dư cuối năm	**597.442.808**	**5.114.411.416**

9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/03/2013	01/04/2012
	VND	VND
Tài sản thiếu chờ xử lý	1.073.842.553	584.111.775
Tạm ứng cho nhân viên	1.216.059.385	1.021.849.813
Cầm cố, ký cược ký quỹ ngắn hạn	9.270.881.503	4.084.208.900
	11.560.783.441	**5.690.170.488**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo) **MẪU B 09-DN**
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/04/2012	**122.261.069.353**	**54.178.244.195**	**8.716.229.653**	**1.174.474.768**	**1.007.565.979**	**187.337.583.948**
Tăng do mua sắm	-	32.556.526.991	-	14.635.455	-	32.571.162.446
Đầu tư XDCB hoàn thành	3.988.921.621	-	-	-	-	3.988.921.621
Giảm khác (i)	88.880.079.587	37.696.632.734	-	-	-	126.576.712.321
Tại ngày 31/03/2013	**37.369.911.387**	**49.038.138.452**	**8.716.229.653**	**1.189.110.223**	**1.007.565.979**	**97.320.955.694**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/04/2012	**5.946.452.898**	**30.524.254.542**	**2.768.400.143**	**983.494.353**	**622.635.338**	**40.845.237.274**
Khấu hao trong năm	1.172.538.245	6.228.214.949	667.555.932	123.993.280	177.852.552	8.370.154.958
Giảm khác	-	-	65.479.235	-	-	65.479.235
Tại ngày 31/03/2013	**7.118.991.143**	**36.752.469.491**	**3.370.476.840**	**1.107.487.633**	**800.487.890**	**49.149.912.997**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/04/2012	**116.314.616.455**	**23.653.989.653**	**5.947.829.510**	**190.980.415**	**384.930.641**	**146.492.346.674**
Tại ngày 31/03/2013	**30.250.920.244**	**12.285.668.961**	**5.345.752.813**	**81.622.590**	**207.078.089**	**48.171.042.697**

(i) Nguyên giá của tài sản cố định là nhà xưởng, vật kiến trúc giảm trong kỳ do Công ty điều chỉnh lại các tài sản đã ghi tăng từ Xây dựng cơ bản hoàn thành trong năm 2011 do các tài sản này chưa đủ điều kiện ghi tăng nguyên giá tài sản cố định, đồng thời Công ty chưa trích khấu hao đối với các tài sản này.

Hầu hết các tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc và máy móc thiết bị đang được thế chấp cho các khoản vay tại Ngân hàng.

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/04/2012	**1.309.097.613**	**154.239.930**	**1.463.337.543**
Tăng trong năm	-	-	-
Tại ngày 31/03/2013	**1.309.097.613**	**154.239.930**	**1.463.337.543**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/04/2012	**149.576.531**	**69.407.982**	**218.984.513**
Khấu hao trong năm	29.091.060	30.847.992	59.939.052
Tại ngày 31/03/2013	**178.667.591**	**100.255.974**	**278.923.565**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/04/2012	**1.159.521.082**	**84.831.948**	**1.244.353.030**
Tại ngày 31/03/2013	**1.130.430.022**	**53.983.956**	**1.184.413.978**

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN

	31/03/2013	01/04/2012
	VND	VND
Mua sắm TSCĐ	9.124.136.854	-
Xưởng Hatachi	1.625.281.972	5.613.933.593
Khu công nghiệp, đô thị và dịch vụ Hanaka	141.939.386.895	110.632.232.118
Nhà xưởng tập đoàn Hanaka	3.996.412.760	3.798.484.841
Xưởng máy biến áp truyền tải	94.113.494.962	-
Chi phí xây dựng khác	1.976.942.050	767.959.817
	252.775.655.493	**120.812.610.369**

Biến động chi phí xây dựng cơ bản trong năm

	31/03/2013	01/04/2012
	VND	VND
Số đầu năm	**120.812.610.369**	**120.812.610.369**
- Số tăng trong kỳ	138.079.939.705	-
- Kết chuyển tăng tài sản	(3.988.921.621)	-
- Giảm khác	(2.127.972.960)	-
Số dư cuối năm	**252.775.655.493**	**120.812.610.369**

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa và quyền sử dụng đất	Tổng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/04/2012	**29.937.599.000**	**29.937.599.000**
Tăng trong năm	-	-
Thanh lý	-	-
Tại ngày 31/03/2013	**29.937.599.000**	**29.937.599.000**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/04/2012	**437.500.002**	**437.500.002**
Trích khấu hao trong năm	99.999.996	99.999.996
Giảm do thanh lý	-	-
Tại ngày 31/03/2013	**537.499.998**	**537.499.998**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/04/2012	**29.500.098.998**	**29.500.098.998**
Tại ngày 31/03/2013	**29.400.099.002**	**29.400.099.002**

14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

	31/03/2013		01/04/2012	
	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ	VND
Công ty cổ phần sản xuất dây điện từ HANAKA (Chuyển từ Công ty Cổ phần Hatachi Hà Nội)	99,8%	196.253.780.506	99,8%	184.269.940.067
Công ty Cổ phần Re Xam ABM	59,6%	159.831.550.524	84,1%	225.380.000.000
Công ty Cổ phần Cáp điện Hanaka Korea	99,8%	268.374.016.501	99,8%	268.374.016.501
Công ty Cổ phần Re Xam Hanacans	80,2%	223.798.549.012	100,0%	159.665.308.913
		848.257.896.543		**837.689.265.481**

15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	31/03/2013	01/04/2012
	VND	VND
Công ty CP XD Công nghiệp Hanaka	400.000.000	400.000.000
Cộng	**400.000.000**	**400.000.000**

16. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/03/2013	01/04/2012
	VND	VND
Hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty TNHH Hồng Ngọc để xây dựng Trung tâm Thương mại Hồng Kông	60.000.000.000	60.000.000.000
Mua CP của công ty CP Thiết bị điện	9.632.097.500	9.632.097.500
Cộng	**69.632.097.500**	**69.632.097.500**

17. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/03/2013	01/04/2012
	VND	VND
Số đầu năm	**19.285.310.371**	**18.028.822.767**
- Số tăng trong năm	3.470.133.834	4.007.034.529
- Phân bổ vào chi phí trong năm	(6.823.906.898)	(2.750.546.925)
- Giảm khác	(145.273.505)	-
Số dư cuối năm	**15.786.263.802**	**19.285.310.371**

Chi tiết số dư như sau:

	31/03/2013	01/04/2012
	VND	VND
Giá trị lợi thế kinh doanh (i)	10.658.601.833	13.409.208.757
Chi phí khác	5.127.661.969	5.876.101.614
Cộng	**15.786.263.802**	**19.285.310.371**

(i) Giá trị lợi thế kinh doanh là giá trị lợi thế được xác định khi chuyển đổi Nhà máy thiết bị điện Hanaka sang Công ty Cổ phần tập đoàn Hanaka theo văn bản số 127/TĐG-KQ ngày 12/02/2007 và công văn số 38N/TĐG-CV ngày 03/04/2007 của Trung tâm Thẩm định giá – Bộ Tài chính và đã được các cổ đông sáng lập thông qua theo Biên bản họp ngày 12/02/2007. Công ty phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh này trong thời gian 10 năm theo phương pháp đường thẳng.

18. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/03/2013	01/04/2012
	VND	VND
Vay ngắn hạn VND	**268.881.067.958**	**242.083.543.152**
Ngân hàng NN&PTNT Bắc Ninh	120.975.433.195	119.690.147.485
Ngân hàng Habubank Thanh Quan HN	-	39.700.000.000
Ngân hàng ĐT&PT VN Phòng GĐ6-SGD	147.905.634.763	82.693.395.667
Vay ngắn hạn ngoại tệ	**172.485.104.901**	**159.463.129.493**
Ngân hàng NN & PTNT Bắc Ninh	69.580.065.618	81.275.296.120
Ngân hàng ĐT&PT VN Phòng GĐ6-SGD	102.905.039.283	78.187.833.373
Vay ngắn hạn khác	-	**16.000.000.000**
Cộng	**441.366.172.859**	**417.546.672.645**

Hợp đồng tín dụng số 2600 – LAV -200400020 ngày 06/07/2011 với Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn – Chi nhánh Bắc Ninh. Hạn mức tín dụng 300.000.000.000 đồng hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương (dư nợ cho vay tối đa 170.000.000.000 đồng; bảo lãnh và mở L/C là 130.000.000.000 đồng). Thời hạn vay cụ thể của mỗi lần giải ngân, được ghi trên từng giấy nhận nợ nhưng tối đa 6 tháng. Mục đích vay Bổ sung vốn lưu động phục vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh thiết bị ngành điện năm 2011 – 2012. Lãi suất vay VND là 20%/năm và USD,EUR là 8%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản cố định của Công ty.

(ii) Hợp đồng hạn mức tín dụng và bảo lãnh số 01/175407/2012/HĐTDHM ngày 27/09/12 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sở giao dịch 1. Hạn mức tín dụng là 370.000.000.000 đồng trong đó mức dư nợ không quá 250.000.000.000 đồng. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động thanh toán tiền mua nguyên vật liệu sản xuất dây cáp điện. Thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Lãi suất được xác định tại các hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể. Bảo đảm tiền vay là thế chấp, cầm cố tài sản của Công ty theo các Hợp đồng cầm cố, thế chấp đã ký kết với ngân hàng; uy tín và năng lực tài chính của Công ty; toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi bằng VND và ngoại tệ của Công ty tại ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác; và thế chấp tài sản hình thành theo các hợp đồng nhập khẩu, hợp đồng mua bán trong nước bằng nguồn vốn tự có của Công ty và nguồn vốn vay BIDV bao gồm: nguyên vật liệu tồn kho, nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất, bán thành phẩm, thành phẩm và quyền đòi nợ phát sinh từ các hợp đồng kinh tế cung cấp sản phẩm của Công ty.

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/03/2013	01/04/2012
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	5.124.579.639	1.552.669.668
Thuế xuất, nhập khẩu	714.693.807	1.125.298.036
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.373.574.264
Thuế tài nguyên	14.383.800	-
Các loại thuế khác	3.323.077	-
Cộng	**5.856.980.323**	**4.051.541.968**

20. PHẢI TRẢ NỘI BỘ

	31/03/2013	01/04/2012
	VND	VND
Công ty cổ phần Rexam Hanacans	265.343.654.049	11.521.685.247
Công ty cổ phần sản xuất dây điện từ Hanaka	37.608.715.399	-
	302.952.369.448	**11.521.685.247**

21. PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/03/2013	01/04/2012
	VND	VND
Tài sản thừa chờ giải quyết	1.215.949.791	1.117.652.957
Kinh phí công đoàn	-	12.378.177
Bảo hiểm xã hội	72.704.375	323.230.546
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	124.710.000	669.160.000
Các khoản phải trả, phả nộp khác	2.260.786.714	8.594.857.028
Cộng	**3.674.150.880**	**10.717.278.708**

22. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	31/03/2013	01/04/2012 (Trình bày lại)
	VND	VND
Công ty cổ phần bao bì Hanaka A.B.M	28.469.710.469	28.469.710.469
Công ty Cổ phần Re xam Hanacans	-	35.874.898.089
Công ty CP Kinh doanh vật tư Vinametal	81.000.000.000	-
Nhận ký cược, ký quỹ dài hạn	10.020.000.000	10.000.000.000
Cộng	**119.489.710.469**	**74.344.608.558**

23. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/03/2013	01/04/2012 (Trình bày lại)
	VND	VND
Vay Ngân hàng		
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - PGD 6	106.000.000.000	111.500.000.000
Ngân hàng NN và PTNT tỉnh Bắc Ninh	108.039.452.598	88.536.197.838
	214.039.452.598	**200.036.197.838**

Hợp đồng tín dụng dài hạn số 01-2009/HANAKA-SGD/HĐTĐH ngày 31/07/2009 với Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Sở giao dịch. Hạn mức tín dụng là tổng số tiền gốc bằng VND tối đa tương ứng 7.609.805 USD. Mục đích vay là sử dụng thanh toán tiền mua cổ phần Công ty Cổ phần Hanaka Iljin. Thời hạn vay là 72 tháng. Lãi suất được tính bằng tổng 3%/năm và Lãi suất tham chiếu (là lãi suất huy động tiết kiệm dân cư bằng tiền VND kỳ hạn 12 tháng). Bảo đảm tiền vay là cầm cố toàn bộ quyền góp vốn pháp nhân mới sau khi mua lại Công ty CP Hanaka iljin; 8.583.400 Cổ phần của ông Mẫn Ngọc Anh tại Công ty CP Hanaka; thế chấp tài sản của bên thứ 3 là 55,78 m2 và tài sản gắn liền trên đất của ông Mẫn Ngọc Anh và vợ là bà Lê Thu Hà tại số 206 phố Đội Cấn, phường Đội Cấn – quận Ba Đình, Hà Nội; tài sản gắn liền trên đất thuê 50 năm của Công ty CP Hanaka tại 208 Đội Cấn, phường Đội Cấn – quận Ba Đình, Hà Nội.

Hợp đồng tín dụng số 2600 – LAV- 201000305 ngày 19/05/2010 với Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn – Chi nhánh Bắc Ninh. Hạn mức tín dụng là 200.000.000.000 đồng hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương. Mục đích vay là Bổ sung chi phí bồi thường, hỗ trợ, giải tỏa, giải phóng mặt bằng, xây dựng cơ sở hạ tầng Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu Công nghiệp HANAKA. Thời hạn vay là 60 tháng. Lãi suất cho vay VND là 15,3% và USD,EUR là 7,5%. Bảo đảm tiền vay là các tài sản cố định của Công ty.

Công ty đang đàm phán về lịch trả nợ của các khoản vay dài hạn nên chưa thực hiện phân loại nợ dài hạn đến hạn trả trên Báo cáo tài chính tại ngày 31/03/2013. Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty có thể được gia hạn cũng như có đủ nguồn chi trả các khoản nợ đến hạn theo lịch trả nợ thống nhất với ngân hàng trong thời gian tới.

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 31/03/2011	**766.111.437.372**	**136.107.750.000**	**(6.482.785.612)**	**134.994.064.672**	**1.030.730.466.432**
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	149.168.002	149.168.002
Trả cổ tức	-	-	-	(427.939.996)	(427.939.996)
Tăng khác	-	-	6.482.785.612	-	6.482.785.612
Giảm khác	-	-	(755.657.336)	-	(755.657.336)
Số dư tại ngày 31/03/2012	**766.111.437.372**	**136.107.750.000**	**(755.657.336)**	**134.715.292.678**	**1.036.178.822.714**
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	18.589.797.364	18.589.797.364
Tăng khác	-	-	-	584.287	584.287
Tăng/Giảm khác (i)	-	-	755.657.336	(6.479.348.314)	(5.723.690.978)
Số dư tại ngày 31/03/2013	**766.111.437.372**	**136.107.750.000**	**-**	**146.826.326.015**	**1.049.045.513.387**

(i) Giảm khác của lợi nhuận sau thuế là giá trị hàng hóa đã xuất bán từ những năm trước Công ty chưa ghi nhận giá vốn tương ứng trong những năm trước với giá trị là 6.479.348.314 đồng

Vốn điều lệ

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần 10 ngày 05/08/2011, vốn điều lệ của Công ty là 1.100.000.000.000 đồng, vốn góp của các cổ đông đến ngày 31/03/2013 như sau:

Cổ đông	Vốn điều lệ góp theo đăng ký kinh doanh			Vốn điều lệ thực góp đến ngày 31/03/2013	
	Số CP	VND	%	VND	%
Công ty TNHH Hồng Ngọc	65.269.400	652.694.000.000	59,34	488.449.307.372	63,76
Mẫn Ngọc Anh	18.583.400	185.834.000.000	16,89	186.334.000.000	24,32
Đặng Đình Tình	-	-		33.691.030.000	4,40
Các cổ đông khác	26.147.200	261.472.000.000	23,77	57.637.100.000	7,52
Tổng cộng	**110.000.000**	**1.100.000.000.000**	**100,0**	**766.111.437.372**	**100,0**

25. DOANH THU BÁN HÀNG

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm và hàng hoá	2.333.024.540.346	1.830.367.533.380
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.021.287.952	4.894.193.577
Cộng	**2.337.045.828.298**	**1.835.261.726.957**
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Hàng bán bị trả lại	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**2.337.045.828.298**	**1.835.261.726.957**

26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Giá vốn thành phẩm và hàng hóa đã bán	2.259.304.384.988	1.750.498.019.770
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	3.620.120.474	3.498.774.196
Cộng	**2.262.924.505.462**	**1.753.996.793.966**

27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	464.864.086	339.102.540
Cổ tức, Lợi nhuận được chia	41.913.732.826	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.767.957.896	2.509.818.822
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	466.201.413	-
Lãi bán hàng trả chậm	1.051.400.000	74.970.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	21.398.465.321
Cộng	**46.664.156.221**	**24.322.356.683**

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lãi tiền vay	64.544.594.395	57.182.881.400
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	2.311.742.311	11.834.712.325
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	673.535.346	-
Chi phí tài chính khác	25.780.900	286.444.920
Cộng	**67.555.652.952**	**69.304.038.645**

29. LỢI NHUẬN KHÁC

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lãi từ hoạt động góp vốn bằng tài sản (i)	12.342.222.332	-
Thu khác	586.150.807	77.538.975
Thu nhập khác	**12.928.373.139**	**77.538.975**
Chi phí khác	1.627.960.191	1.967.374.422
Chi phí khác	**1.627.960.191**	**1.967.374.422**
Lợi nhuận khác	**11.300.412.948**	**(1.889.835.447)**

(i) Lãi thu từ hoạt động góp vốn bằng tài sản là giá trị tài sản đem góp vốn của Công ty vào Công ty Cổ phần Re Xam Hanacans được đánh giá tăng thêm so với chi phí đầu tư mua sắm tài sản.

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại		
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	**18.589.797.364**	**198.890.669**
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(41.913.732.826)	-
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	41.913.732.826	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	-
Thu nhập chịu thuế	**(23.323.935.462)**	**198.890.669**
Chuyển lỗ năm trước	-	-
Thu nhập chịu thuế	**(23.323.935.462)**	**198.890.669**
Thuế suất thông thường	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	**-**	**49.722.667**

Công ty đang xác định lợi tức kế toán tương đương với lợi tức tính thuế và chưa loại trừ các khoản chi phí không được trừ khi xác định thuế thu nhập doanh nghiệp. Việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	18.589.797.364	149.168.002
Lợi nhuận (lỗ) sau thuế phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	**18.589.797.364**	**149.168.002**
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	76.611.144	76.611.144
Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	**243**	**2**

32. CHI PHÍ VÀ NỢ TIỀM TÀNG

Tại ngày 31/3/2013, một số khoản công nợ ứng trước cho các nhà thầu xây dựng đã phát sinh từ thời điểm trước, tuy nhiên thời điểm hiện tại các nhà thầu không còn tiếp tục thực hiện công việc và Công ty chưa hoàn thiện được các hồ sơ nghiệm thu đối với những nhà thầu này. Do đó chi phí xây dựng cơ bản có thể thay đổi khi Công ty quyết toán các chi phí đầu tư xây dựng cơ bản với các nhà thầu.

Công ty chưa thực hiện trích dự phòng bảo hành sản phẩm đối với các sản phẩm máy biến áp do Công ty sản xuất theo điều khoản thỏa thuận trong các hợp đồng cung cấp máy biến áp, giá trị bảo hành sản phẩm máy biến áp của Công ty tối đa là 5% giá trị hợp đồng trong thời gian từ 12 đến 18 tháng. Căn cứ trên số liệu thống kê của Công ty thì hàng năm có phát sinh chi phí bảo hành liên quan và thường nhỏ hơn tỷ lệ chi phí bảo hành đã quy định trên hợp đồng. Do đó, Công ty đã quyết định không trích lập dự phòng và sẽ hạch toán thẳng chi phí bảo hành phát sinh hàng năm vào chi phí trong kỳ. Điều này có thể dẫn đến làm cho chi phí bảo hành phát sinh hàng năm không đều, tuy nhiên Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng không ảnh hưởng đáng kể đến kết quả kinh doanh hàng năm của Công ty.

33. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KHÓA SỔ

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày khóa sổ đến thời điểm phát hành báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu và cần phải trình bày trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2013 của Công ty.

34. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2012 đã được kiểm toán. Một số chỉ tiêu trên Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/03/2012 đã được phân loại lại theo quy định hiện hành về trình bày Báo cáo tài chính, cụ thể gồm:

Chỉ tiêu	31/03/2012 (đã kiểm toán)	31/03/2012 (trình bày lại)	Chênh lệch	Ghi chú
Vay và nợ dài hạn	264,380,806,396	200,036,197,838	(64,344,608,558)	<1>
Phải trả dài hạn khác	10,000,000,000	74,344,608,558	64,344,608,558	<1>

<1> Trình bày lại số dư khoản công nợ tiền mua hàng hóa của Công ty Cổ phần Rexam Hanacans và Công ty Cổ phần Bao bì Hanaka A.B.M đang hạch toán trên khoản vay và nợ dài hạn sang khoản công nợ phải trả dài hạn khác theo các Biên bản đối chiếu công nợ đã ký.

Mẫn Ngọc Anh	Trần Lục Xít	Trần Thị Thanh Huyền
Tổng Giám đốc	**Q. Giám đốc tài chính**	**Phụ trách kế toán**

Bắc Ninh, ngày 10 tháng 06 năm 2013